TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 49/2018/HNGĐ - ST Ngày: 14-6-2018 V/v: "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Ngọc
Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 87/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thái A, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Tô Thái L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số nhà 58, tổ 2, ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị A có mặt tại phiên tòa, anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2018 và các lời khai tại tòa, nguyên đơn chị Dương Thái A trình bày: Chị và Tô Thái L xây dựng gia đình với nhau năm 2001, nhưng đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 09 tháng 3 năm 2017. Việc kết hôn do chị và anh Lân đều tự nguyện. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tô Thái L. Nguyên nhân chị A yêu cầu ly hôn là do anh L không chung thủy, vợ chồng không còn yêu

thương, tôn trọng, quan tâm chăm sóc nhau và vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay.

Về con chung: Chị và anh L có 01 người con chung là cháu Tô Thái Kim P, sinh ngày 21/12/2001. Hiện nay cháu P do anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh nuôi dưỡng, tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Tô Thái L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng và cung cấp chứng cứ nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh L không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A; giao con chung là cháu P cho anh L nuôi dưỡng, tạm thời anh A không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Tô Thái L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Tô Thái L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Thái L và chị Dương Thái A xây dựng gia đình với nhau năm 2001 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/3/2017, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị A xin ly hôn với anh L với lý do anh L không chung thủy, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh L biết để đến Tòa tham gia tố tụng, cung cấp chứng cứ và hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ nhưng anh L vẫn không đến Tòa mà không có lý do. Xét thấy, anh L và chị A đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Anh L và chị A có 01 con chung là cháu Tô Thái Kim P, sinh ngày 21/12/2001. Xét thấy, hiện nay cháu P do anh L là người trực

tiếp nuôi dưỡng và cháu Phụng cũng có nguyện vọng được sống với anh L. Chị A cũng đồng ý để anh L tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Tô Thái Kim P cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh L không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Dương Thái A phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của chị Dương Thái A đối với anh Tô Thái L.

Xử cho chị Dương Thái A được ly hôn với anh Tô Thái L.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Tô Thái Kim P, sinh ngày 21/12/2001 cho anh Tô Thái L nuôi dưỡng. Tạm thời chị A không cấp dưỡng nuôi con.

Chị A được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Chị Dương Thái A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 007857 ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị A được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm